

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VIƏNG LÁN**

Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND xã)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu	4,292,561,000	4,292,561,000	4,886,824,372	4,886,824,372	113.84	113.84
I	Các khoản thu 100%	59,400,000	59,400,000	137,258,493	137,258,493	231.07	231.07
	Thuế thu nhập cá nhân	7,000,000	7,000,000	15,913,175	15,913,175	227.33	227.33
	Lệ phí trước bạ nhà đất	8,000,000	8,000,000	8,189,885	8,189,885	102.37	102.37
	Thu phí và lệ phí	11,400,000	11,400,000	12,000,000	12,000,000	105.26	105.26
	Thuế giá trị gia tăng	9,500,000	9,500,000	29,090,433	29,090,433	306.22	306.22
	Phí môn bài	1,500,000	1,500,000	1,800,000	1,800,000	120.00	120.00
	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	15,000,000	15,000,000	32,065,000	32,065,000	213.77	213.77
	Thu cố định tại xã (cho thuê đất)	7,000,000	7,000,000	38,200,000	38,200,000	545.71	545.71
II	Các khoản thu phân chia tỷ lệ %			-			
	- Thu tiền sử dụng đất						
	- Lệ phí trước bạ nhà đất						
	- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản (70%)						
III	Thu chuyển nguồn			80,463,177	80,463,177		
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước			104,782,888	104,782,888		
V	Thu bổ sung từ NS cấp trên	4,233,161,000	4,233,161,000	4,564,319,814	4,564,319,814	107.82	107.82
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4,233,161,000	4,233,161,000	4,214,236,814	4,214,236,814	99.55	99.55
	- Bổ sung có mục tiêu			350,083,000	350,083,000		